

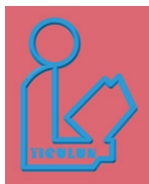


Huỳnh Phan Anh

Hàn Mặc Tử
hay là
hiện hữu của Thơ

Hàn Mặc Tử hay là hiện hữu của Thơ

Huỳnh Phan Anh



Paris * 02-2026

Nguồn : *Thư viện Tiểu Lùn*
Ebook : *Thư viện Tiểu Lùn*

Hàn Mặc Tử
hay là hiện hữu của Thơ

HUỲNH PHAN ANH

VĂN số 179
Saigon * 01-06-1971

ó lẽ không gì mâu thuẫn bằng chú giải một nhà thơ. Người ta không thể làm công việc đó, đứng dưng với ám ảnh đeo đẳng của sự bất lực. Hơn đâu hết trong các bộ môn, thơ mở ra đồng thời đóng lại trước mọi nỗ lực soi sáng. Mọi lời chú giải trên thơ, (cũng như trên mọi công trình nghệ thuật?), mang ý nghĩa một sự diễn đạt, diễn đạt một vũ trụ tự nó hầu như đã đầy đủ, không còn gì để nói thêm. Tác giả mặc nhiên không còn. Tác phẩm tự nó biện minh hay ở đời. Không ai lên tiếng

biện minh cho nó. Sáng tạo cũng là một cách chết. Sáng tạo là chết đằng sau tác phẩm mình. Tác phẩm trở thành một thực tại hàm hồ. Nó như một chiếc mặt nạ. Sau chiếc mặt nạ, lẫn trốn một người. Nhưng nhìn vào nó, người ta không thấy một ai được xác định. Tác phẩm là một sự giấu mặt đang lên tiếng gọi mời. Nó đòi hỏi được đón nhận, nhìn vào đồng thời là một cản trở.

Hơn là một độc giả, người chú giải, phê bình có bốn phận biến tác phẩm thành một khả hữu và hơn thế nữa, một khả hữu phổ quát cho mọi người, không những chỉ cho riêng hần. Hần là một người hòa giải. Ở hần thể hiện sự dung hòa giữa niềm vui khoái, đam mê của những người thưởng ngoạn và sự

sáng suốt cả chính người sáng tạo. Nói theo Blanchot, hẳn thực hiện một công tác kỳ lạ đối với tác phẩm, vừa tiến lại gần vừa lảng ra xa, phớt bỏ, vừa hoàn thành, giản lược vừa đào sâu. Hẳn hư vô hóa tác phẩm ngay khi biến nó thành một khả hữu cho mọi người. Tầm quan trọng của hẳn hệ ở chỗ hẳn vạch cho tác phẩm một ý nghĩa, điều này có thể làm ngạc nhiên tác giả, và chính hành động này, một hành động có thể là tốt, đã giản lược tác giả về hư không: tác phẩm là cơ hội xuất hiện của một ý nghĩa hoàn toàn xa lạ mà tác giả có thể không nhìn nhận hay chống kháng. Nhà chú giải trở thành một căn bệnh cần thiết. Bởi tác phẩm cầu tới hẳn, một cách nào đó, cần sáng tạo không ngừng.

Có thể nói rằng công việc chú giải là một thất bại ngay từ khởi điểm (Nó bao hàm một nguy tín, một thái độ hàm hồ). Cho nên phải chẳng sau cùng mọi nỗ lực chú giải, phê bình nhất thiết đưa về im lặng trước chính tác phẩm, tác phẩm tự nó cũng là một thực tại hàm hồ, bí ẩn. Có lẽ càng hàm hồ khi tác phẩm lại là thơ. Có thể thơ hàm chứa nhiều nhất đồng thời thơ lại là nơi ta dễ dàng lạc lối nhất. Nó là một cánh rừng mà mỗi ngõ ngách có thể dẫn ra đồng thời đánh lạc. Một hang động trong đó người ta chỉ có thể tìm ra bí mật bằng sự lạc lõng của chính mình. Bởi thơ là biểu tượng, là hình ảnh. Thơ tạo dựng một vũ trụ qua trung gian biểu tượng, hình ảnh. Một vũ trụ phi thực, một vũ trụ chỉ có ý nghĩa

trong tính cách phi thực của nó. Hơn đâu hết, biểu tượng, hình ảnh là điều kiện của thơ, lý do tồn tại của thơ. Biểu tượng, chính là thơ. Đâu là đặc tính của biểu tượng, hình ảnh?

Biểu tượng, hình ảnh tự chúng không là gì nếu không có thực tại chống đỡ sự sống của chúng. Biểu tượng đi đôi với một tác động biểu tượng hóa, hình ảnh với một tác động ảnh hóa. Tôi không thể xây dựng hình ảnh cái bàn tách biệt với thực tại bàn, một cái bàn thật, trong một không gian nào đó. Đó là quan niệm thông thường nhất, thực nghiệm nhất. Nhưng cái hiển nhiên thường đến với ta trong sự vô tình hay giấu mặt hầu như không ai hay biết. Hình ảnh thơ

không diễn đạt thực tại một cách quá thơ ngây dung dị. Thơ là vũ trụ những hình ảnh có giá trị một sự mê hoặc, một thứ ma thuật. Nó biến thành hình ảnh của chính hình ảnh. Một hình ảnh mê hoặc, ma thuật bắt buộc phải là một hình ảnh lẫn tránh, giấu mặt. Nó không còn là biểu tượng của thực tại đồ vật, nó chính là điều kiện khả hữu của biểu tượng đó, Nó là thực tại đang tiêu hủy hay một ảnh tượng đang hoàn thành. Nói theo M.-J. Lefèbvre, hình ảnh là tác động của trí tuệ đang, — sau thực tại xuất hiện cho nó, sau và ngoài, — tiếp tục hướng về một thực tại hiển nhiên không ngừng thoát chạy. Hình ảnh không là thực tại. Nó là một ý hướng. Nó thể hiện một dự phóng. Nó hoàn thành một ước

muốn. Nó không biểu tượng cái hiện hữu. Nó lẩn tránh chính biểu tượng. Nó nhằm đưa tới một vũ trụ hàm hồ, một vũ trụ đồng thời một phủ nhận vũ trụ. Hình ảnh mê hoặc chỉ là một khoảng trống thiết yếu. Thơ không là thực tại, không là tổng số những hình ảnh xác định một thực tại rõ ràng. Nó là một ước muốn hơn thế nữa, là một đam mê, mù quáng cũng nên, có đối tượng là cái *chưa* có, cái chưa biết được, cái không thể biết, nghĩa là một thực thể *vô danh* và người đọc thơ hay chú giải thơ thử lên tiếng gọi tên. Thơ thể hiện một ý hướng tính không có ý hướng, nói một cách nào đó, nó hướng về cái không có, nó đòi hư vô: một “đam mê vô ích”. Phải chăng thơ sau cùng chỉ còn là một niềm im

lặng tuyệt đối của thi sĩ, vũ trụ thơ chỉ còn là vũ trụ nội giới, chủ quan của thi sĩ. Điều duy nhất người ta có thể thu tóm ở hần chính là *cách thể* phát biểu. Người ta có thể phủ nhận vũ trụ hay giải thích nó bằng mọi cách (giải thích phải chăng cũng chỉ là một cách phủ nhận?), nhưng người ta không thể chối bỏ chính cách thể phát biểu của hần.

*

Thơ, để làm gì? Thiết tưởng người ta không làm thơ để nói lên một điều gì (Có lẽ khi nói ngược lại, người ta đã không làm thơ nữa). Nếu có, phải chăng đó là sự bất

lực. Phải chăng bằng chính sự bất lực đến cùng tận đó, thơ phát biểu trung thật nhất thân phận thi sĩ, và nếu cần, thân phận làm người của thi sĩ. Trong ý nghĩa đó, thi sĩ là kẻ ít tham vọng nhất. Antonin Artaud, một thi sĩ, đã nói: “Tôi luôn viết để nói rằng tôi không làm được gì, không thể làm được gì, và nếu làm được thì thật ra tôi không làm gì hết. Toàn tác phẩm tôi đã xây dựng và chỉ có thể xây dựng trên hư vô”, Thơ tham dự trực tiếp vào hoàn cảnh hữu hạn con người cũng như thơ không thoát ngoài thân phận nó: ngôn ngữ, hình ảnh, biểu tượng. Nói theo Bernard Charbonneau, “đòi hỏi mọi thứ ở ngôn ngữ chính là hủy diệt nó”. Breton và trường phái siêu thực đã đem được gì khi đồng hóa thi ca và

cách mạng? Sau cùng phải chăng chỉ còn một cách, trả thơ về với tiếng nói, thứ tiếng nói xao xuyến nhất của nội tâm con người.

*

Những ý nghĩ trên đây có thể phần nào gây xao xuyến công việc chú giải thơ, cả việc đọc thơ và nói rộng ra, cả việc tìm tòi nghệ thuật. Đó là tình cảm e thẹn của người đọc khi đứng trước thơ, tìm mọi cách chọc thủng những chiếc mặt nạ phủ lên hình ảnh, phủ lên thơ: một việc làm đầy hoài nghi, lúng túng.

Thơ Hàn Mặc Tử đã được chú giải bằng nhiều cách, nhìn ngắm từ nhiều khía cạnh. Có thể chiêm ngưỡng thơ ông bằng một tâm hồn sẵn cảm xúc âm nhạc hay màu sắc. Có thể mượn tâm phân học tổ cáo ở người thơ một nhân vật bệnh hoạn, và thơ ông như một cách giải tỏa ẩn ức. Có thể tìm thấy trong thơ ông những lời ca tụng hay những xúc cảm chân thật trước cái đẹp, tình yêu, kỷ niệm, Đấng thiêng liêng... một thi sĩ biết mình là thi sĩ. Nghĩa là sự cảm dỗ, mê hoặc của vũ trụ hình ảnh trong thơ Hàn Mặc Tử có thể đẩy cảm quan theo một chiều hướng hay đến một chân trời nào đó. Làm sao có thể phê phán trên chính những lời chú giải khi thơ

tự nó không nói lên gì, nó chỉ nói lên cái người thưởng ngoạn cảm xúc thấy, nghe thấu được: thưởng ngoạn, chú giải là *tước đoạt* lời nói của người sáng tạo.

Thơ Hàn Mặc Tử? Tại sao không nhìn nó như một kinh nghiệm trước hết của một con người, một thực tại con người ngay trong thân phận, trong sử tính đích thực của nó? Thi sĩ đã nói về công việc làm thơ của mình, là “nhấn một cung đàn, bấm một đường tơ, rung rinh một làn ánh sáng”, đã nói tới những “âm điệu thiêng liêng tạo ra trong khi máu cuồng rền vang dưới ngòi bút”. Thơ là sự mời gọi tham dự vào chính những cảm xúc, những trạng thái tâm thần, những tình tự, kinh nghiệm của chính người

thơ. Thơ trở thành kinh nghiệm tập thể, một kinh nghiệm khởi từ cá nhân để tan vào đám đông được mời tham dự. Kinh nghiệm thơ, kinh nghiệm người làm thơ là một. Kinh nghiệm ẩn sau từng chữ từng tiếng, từng hình ảnh. Đọc thơ, chú giải thơ là tìm tới kinh nghiệm *nền tảng* của thi sĩ.

Descartes một lần nói rằng cơn thịnh nộ của thi sĩ nhiều khi hàm chứa nhiều hơn cả túi khôn triết học. Ngày nay, nỗ lực đem thi ca tới gần siêu hình học thiết tưởng chỉ bằng thừa khi ta quan niệm thi ca trước hết là kinh nghiệm sâu thẳm của con người, con người tấn phong bằng tính cách siêu hình của nó.

Thực tại kinh nghiệm, thực tại người ẩn sau từng ngôn ngữ, thể hiện ngay trên từng ngôn ngữ. Phải chăng đó là cái gì có thật nhất bên cạnh ngôn ngữ ma thuật, cái gì khẳng định nhất bên cạnh ngôn ngữ hàm hồ. Ta đứng trước một vũ trụ, tự hỏi mộng hay thật, trước mặt hay trong ảo giác, tất cả những sương đục, trăng thề, *tơ liễu, những hào quang, châu ngọc, những “vàng sao rơi đầy trên sóng nước”, những “đêm xao xuyến vũng sông Hằng”, những “âm hưởng địa cầu đang vỡ toang ra từng mảnh”* ... Tất cả tham dự hành trình của một dòng cảm xúc của thơ hay tất cả từng phút từng giây trở về, lảng vảng, xoay quanh, đeo đẳng một cảm xúc, một kinh nghiệm duy nhất, nền tảng. Tất cả mang về

sững sờ. Tất cả: niềm hốt hoảng, xao xuyến đang lên tiếng nói. Thi sĩ nói nhiều tới trăng, nhắc nhiều tới trăng. Trăng lấp đầy thi hứng. Trăng biểu hiện niềm cô đơn tuyệt đối. Trăng cứu mang niềm mơ ước. Trăng chính là sự trở về trong cảm xúc thi sĩ, sự trở về trong thắng thoát, kinh hoàng của thi sĩ trong chính hoàn cảnh, thực tại, trong chính kinh nghiệm “qua cầu”.

*Ta nhìn trăng khôn xiết ngậm
ngùi trăng.*

Chỉ còn có trăng, cùng với tình
cảm khô chết, hấp hối,

*Ánh trăng mỏng quá che không
nổi*

Những vẻ xanh xao của mặt hồ

Những nét buồn buồn tơ liễu rũ.

Những lời năn nỉ của hư vô.

Chỉ còn có trăng và kinh khiếp thay, trăng cũng lụi đi dưới mắt nhìn ngưỡng vọng. Còn có trăng nghĩa là không còn gì hết.

Bao lời thơ thống thiết chỉ đề nói lên rằng không còn gì nữa, trừ “*những lời năn nỉ của hư vô*”.

Thơ và đau thương. Thơ là kinh nghiệm đau thương đó.

*

Có lẽ không phải tình cờ mà tập thơ xuất sắc nhất của thi sĩ nhan

đề ĐAU THƯƠNG. Nếu cần người ta chỉ có thể thu tóm thơ Hàn Mặc Tử về một ý niệm tương tự, một ý niệm nền tảng. Thơ vẽ nên dung nhan *hư hoại* của kiếp người. Thơ đào sâu kinh nghiệm *thiếu sót*, tình cảm *bại vong* trong hành trình bát ngát của thân phận người. Hiện tại, ngay cả hiện tại cũng không còn, ngay cả hiện tại cũng không có. Bởi không một niềm vui, một hạnh phúc nào bình yên, vĩnh cửu. Nó già cỗi từ bao giờ, đã vượt khỏi tầm tay, đã rơi vào quá khứ. Thơ không là lời hồn nhiên ca tụng. Thi sĩ đánh mất thơ ngây. Chỉ có quá khứ ngổn ngang đổ vỡ và tuyệt vọng để khóc than. Chỉ có những ám ảnh thời gian với trăm ngàn sụp đổ đón đợi. Con người thất bại vì *nhất thiết* nó đã hay sẽ bị tước

đoạt tất cả, tuổi trẻ, tình yêu, khoái lạc... Tất cả gãy đổ, băng hoại ngay trong dự phóng con người.

Máu đã khô rồi thơ cũng khô

Tình ta chết yếu tự bao giờ

.

Ta trút linh hồn giữa lúc đây

Gió sầu vô hạn thổi trong cây.

.

Trời hỡi bao giờ tôi chết đi?

Bao giờ tôi hết được yên vì

Bao giờ mặt nhật tan thành máu

Và khối lòng tôi cứng tự si?

.

Tôi vẫn còn đây hay ở đâu
Ai đem tôi bỏ dưới trời sâu
Sao bông phượng nở trong máu
huyết

Nhỏ xuống lòng tôi những giọt
châu?

.

Xin dâng này máu đang tươi
Này đây nước mắt giọng cười
theo nhau

Mới hay phong vị nhiệm màu
Môi chưa nhấp cạn mạch sâu đã
tuôn.

Cái chết ám ảnh, dọa nạt, cái
chết âm ỉ trong tâm hồn. Thi sĩ sống
cái chết của mình. Hư vô chính là
kinh nghiệm thi sĩ.

Trong âm ảnh của cái chết, trong thôi thúc của thời gian, trong khả hữu của hư vô toàn diện, đâu là cơ hội sau cùng của thi sĩ? Đâu là sự cứu rỗi cho phần số hạn hữu? Phải chăng đó là niềm tin ở một Đấng? Phải chăng đó là phút huy hoàng mãnh liệt và đầy ắp? Phải chăng đó là sự kêu đòi hay nguyện cầu vô vọng? Có thể nhà thơ đã không từ chối một cơ hội nào xảy tới. Không cơ hội nào gọi là sau cùng. Không sự cứu rỗi nào gọi là duy nhất. Hàng trăm hàng ngàn vũ trụ hãy còn chưa đủ cho thi sĩ sống kịp đời mình.

*Ta vãi tung thơ lên tận sông
Hằng*

*Thơ phép tắc bỗng kêu lên thảm
thiết.*

.

*Cứ nhắm mắt cứ yêu nhau như
chết*

Cứ sáng sốt tê mê và rũ liệt

*Đừng nghe chi âm hưởng địa
cầu đang*

*Vỡ toang ra từng mảnh cả không
gian*

Cả thời gian từ tạo thiên lập địa.

Đều trộn trạo điều hòa và xí xóa

*Thành hư không như tình ái đôi
ta.*

.

.

*Cho tôi thả hai hàng cây bạch
lạp*

*Khói nghiêm trang sẽ dâng lên
trần ngập*

*Cả hàng giang, cả màu sắc thỉnh
không*

*Lút tri khôn và ám ảnh hương
lòng*

*Cho sốt sáng cho đê mê nguyện
ước.*

Thi ca vạch những con đường cứu rỗi cho ý thức khốn khổ tỏa giăng bởi hư vô, hư vô chực làm suy sụp mọi dự phóng. Thi ca chính là sự cứu rỗi của người thơ không bao giờ ôm trọn cuộc sống trong tay. *Thơ là đặc ân của thi sĩ.* Có thể nói rằng chính sự thức tỉnh trước

thân phận bàng hoàng, èo uột của kiếp người (có nhất thiết một người mệnh danh Hàn Mặc Tử?) đã đẩy thơ Hàn Mặc Tử tới những chân trời kỳ diệu của ngôn ngữ. Nó là tiếng kêu hốt hoảng của tâm hồn. Nó là cơn gào thét của khoái cảm sắp tiêu ma. Nó là nỗi *kích thích*, *sức dòn đẩy của da thịt*, của *thần kinh*, của *não bộ*. Nó *mặc khải* một vũ trụ, vũ trụ mà thi sĩ kêu đòi, vũ trụ trong đó thi sĩ chỉ có thể chiến thắng hư vô bằng nhục cảm có thật đang kêu gào, chơi với, ngất ngư:

Ồ say sưa trên hết các tục tình

*Ồ thú lạ những phút giây tỉnh
thoát*

*Hương cho thơm ứ đầy hơi
khoái lạc*

*Máu cho cuồng run giật đến
miên man*

*Hồn hỡi hồn, lên nữa quá không
gian.*

Vũ trụ thơ là tấm gương trong đó thi sĩ nhận ra hình ảnh của chính mình. *Tâm tình bất trắc, đó là kinh nghiệm thi sĩ, kinh nghiệm thống trị trong số kiếp một người.* Thơ là sự phục thù của thi sĩ, kẻ bị đè bẹp bởi định mệnh. Ngôn ngữ trở thành một khí giới. Nó đi tìm những kích động thần kinh – Nó đặt thơ và sự thưởng ngoạn thơ vào một *cảm xúc* mãnh liệt. Thơ hay là máu và nước mắt của thi nhân. Thơ không xuất phát từ trí tuệ. Nó bùng nổ từ những trung tâm thần kinh hệ. Thơ thể hiện những dự phóng

hiện thật nhất, thơ ngây nhất của con người trong thi sĩ. Thơ vượt khỏi nguy tín của nghệ thuật.

*

Và để trở lại với những gì đã nói ở phần trên, ta có thể nói Hàn Mặc Tử thuộc những thi sĩ mà tác phẩm tự nó chối từ chủ giải: nó đã là lời chú giải cho chính nó¹.

Vâng, thơ Hàn Mặc Tử đã tự đầy đủ cho chính nó. Thơ đã tự đầy đủ cho chính thơ. Và tôi không ngần ngại phát biểu rằng đó chính là sự thật sau cùng, nền tảng ở cuối những con đường tìm kiếm của

1 Đoạn đầu bài này, trước đã đăng trong VĂN số 73-74, đặc biệt về Hàn Mặc Tử.

người đọc thơ. Đó cũng là sự thật sau cùng, nền tảng của chính thơ, của chính người làm thơ. Người ta không thể đọc thơ như người ta nhìn ngắm một món đồ từ phía ngoài. Đọc cũng là một cách gia nhập. Người đọc thơ không là kẻ mang đến cho thơ một lời chú giải. Phải nói hẳn chi là kẻ mang lời chú giải ra khỏi thơ, bởi lời chú giải về thơ không ở ngoài mà ở ngay trong thơ, nó là một với thơ. Nghĩa là thơ không chỉ là thơ nữa. Và thi sĩ không chỉ là người làm thơ một cách thơ ngây hay sung sướng. Có lẽ đây là chỗ cách ngăn khốc liệt giữa hai quan niệm thơ, về phía người thưởng ngoạn cũng như về phía người sáng tạo. Có lẽ ta không còn ở vào thời đại của một dòng thơ và từ đó của một dòng nghệ

thuật thơ ngây, vô tội — sản phẩm của một cơn rung động thoáng qua hay một phút tình cờ may mắn nào đó. Có lẽ mai đây người làm thơ bắt đầu cuộc hành trình của mình không từ một khởi điểm nào khác ngoài khởi điểm của thơ. Chính từ khởi điểm của thơ, người làm thơ tìm đến yếu tính của thơ. Người ta có thể làm thơ trong cuộc đời. Nhưng thi sĩ là kẻ làm thơ ở ngay trong thơ của mình. Thơ không còn là tiếng nói của một phút giây hoan lạc hay sầu khổ đã từng lướt thoáng qua tâm hồn thi sĩ. Thơ không là tiếng nói. Thơ không là ngôn ngữ. Thơ là tiếng nói, là ngôn ngữ đã tinh lọc để trở thành tiếng nói của chính tiếng nói, ngôn ngữ của chính ngôn ngữ. Và mai đây người đọc thơ không còn là kẻ chỉ

biết rung động và rên rỉ với từng dòng từng chữ của một bài thơ. Hẳn phải có can đảm vượt qua những bức tường chữ nghĩa đầy phỉnh gạt để đạt tới cái cốt tủy bên trong chữ. Hẳn là kẻ mang mặt nạ của anh chàng Orphée, tình nguyện sa chân vào địa ngục theo tiếng gọi thầm lặng của Eurydice yêu dấu. Vâng, có một thứ tiếng gọi thầm lặng thốt lên từ mỗi một bài thơ. Đó chính là linh hồn của mỗi một bài thơ. Đó chính là bài thơ đích thật ẩn giấu trong mỗi một bài thơ. Đọc thơ? Có lẽ người ta không đọc thơ nữa. Và có lẽ thơ cũng không còn nữa, Điều đáng kể chính là thơ ở ngay trong thơ, chính là tiếng nói về thơ chứa đựng ngay trong thơ. Với Hölderlin, với Lautreamont, với Rimbaud v.v..., phải chăng một

dòng thơ mới đã bắt đầu, dòng thơ bao gồm trong nó một ý thức mãnh liệt về thơ. Thi sĩ là người đầu tiên đọc thơ mình. Thi sĩ là người đầu tiên thức tỉnh ngay trong vũ trụ thơ của mình.

Thơ thể hiện một cái nhìn về vũ trụ. Thơ đồng thời thể hiện một cái nhìn về chính cái nhìn đó. Đọc thơ Hàn Mặc Tử. Điều này có nghĩa là cùng một lúc tham dự vào hai cuộc hành trình say mê và hứa hẹn, một của nguồn cảm hứng sáng ngời của một tâm hồn bén nhạy và một của ý thức thơ nơi thi sĩ. Mừng tượng một cái nhìn bàng bạc trên khắp các lời thơ của Hàn Mặc Tử, một cái nhìn thấu suốt căn phần thi sĩ cũng như căn phần chính thơ:

*Phượng trì! Phượng trì! Phượng
trì! Phượng trì!*

*Thơ tôi bay suốt một đời chưa
thấu,*

Hồn tôi bay đến bao giờ mới đậu

*Trên triều thiên ngời chói vạn
hào quang.*

Thi sĩ làm thơ đồng thời không
ngọt nói về thơ, trò chuyện với
thơ:

*Ta cho ra đời một dòng thơ rất
mát*

*Mới tinh khôi và thanh sạch
bằng hương.*

*Trời như hóp phải hơi men ngan
ngát,*

Đắm muốn ngôi tinh lạc xuống
mười phương.

Ta há miệng cho nguồn thơm
trào vọt,

Đường thơ bay sáng láng như
sao sa...

Trên lụa trắng mười hai dòng
chữ ngọc

Thêu như thêu rộng phượng kết
tinh hoa,

Ta cao ngâm giọng vô cùng
thanh thoát

Khiến châu thân rung động thể
tơ trắng

*Toan ngất đi trong cơn mê khoái
lạc,*

*Mẹ dẫu yêu liền vội đến tay
nâng...*

*— “Đây thi sĩ của đạo quân
Thánh giá*

*Nửa đêm nay vùng dậy để tung
hô,*

*Để sót cho cả xuân xuân thiên
hạ*

*Hương mến yêu là lộc của lời
thơ.”*

Với Hàn Mặc Tử, làm thơ cũng
là một cách định nghĩa thơ rồi vậy.

Huỳnh Phan Anh

